



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2016



Tháng 3 năm 2017



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH
Năm 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên tiếng Anh: **Binh Dinh Minerals Joint Stock Company**
- Tên giao dịch: **BIMICO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100 390 008 ngày 15/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp
- Vốn điều lệ: **123.926.300.000 đồng.**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 123.926.300.000 đồng.
- Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại: 056-3822073-3820081
- Số fax: 056-3822497
- Website: www.bimico.vn
- Mã cổ phiếu: BMC

2. Quá trình hình thành và phát triển

a. Lịch sử hình thành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định tiền thân là Công ty Khoáng sản Bình Định được thành lập năm 1985, là một trong những Công ty có uy tín và tiên phong trong lĩnh vực khai thác sa khoáng tại tỉnh Bình Định cũng như ở Việt Nam.

Trải qua hơn 25 năm phát triển, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định đã đứng vững và ngày càng khẳng định vị trí của mình trong cơ chế thị trường. Công ty đã được nhà nước tặng Huân chương lao động hạng 3 vào năm 1999.

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá của Nhà nước, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định chuyển thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Định. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000009 ngày 08 tháng 01 năm 2001, thay đổi lần thứ 8 số 4100390008 ngày 15 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Vốn điều lệ tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần là 13.114.000.000 đồng. Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2016 là 123.926.300.000 đồng.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định đã xúc tiến các thủ tục cần thiết để phục vụ cho việc niêm yết cổ phiếu của

Công ty trên thị trường chứng khoán tập trung. Ngày 28 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch phiên đầu tiên tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh). Tính đến ngày 31/12/2016 tổng số cổ phiếu đã phát hành và lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán TP. HCM là 12.392.630 cổ phiếu.

b. Quá trình phát triển:

- Hiện nay Công ty đang khai thác, chế biến và kinh doanh sa khoáng Titan. Sản phẩm chính của Công ty là Ilmenite, nguyên liệu chính dùng để sản xuất bột màu Titan dioxit (TiO_2) và kim loại Titan. Bên cạnh đó trong quá trình chế biến, Công ty còn thu được các loại sản phẩm khác như: Zircon, Rutile, Monazite, Magnetic - là các hợp chất dùng trong ngành công nghiệp gạch men, que hàn điện, chế tạo bột màu Titan dioxit (TiO_2).

- Sản phẩm của Công ty sau khi được sản xuất ra đều đạt được chất lượng theo yêu cầu về chất lượng của khách hàng trong và ngoài nước. Quặng tinh Ilmenite có hàm lượng thấp nhất là 52% TiO_2 , bột Zircon mịn có hàm lượng 65% ZrO_2 min, Rutile có hàm lượng từ 87% - 92% TiO_2 , Monazite có hàm lượng REO > 57% và Magnetic có hàm lượng Fe_3O_4 > 75%, Xi titan các loại có hàm lượng từ 85% - 92% TiO_2 , gang hợp kim.

- Trong năm 2007, Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng dây chuyền nghiền mịn Zircon với vốn đầu tư khoảng 4 tỷ đồng. Đây là một dự án đầu tư nhằm nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm xuất khẩu, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, cũng như thỏa mãn đầy đủ các tiêu chuẩn xuất khẩu do Nhà nước quy định.

- Ngày 16/9/2007 Công ty đã chính thức khởi công Dự án Nhà máy Xi titan Bình Định. Đây là dự án chế biến sâu Titan đầu tiên của cả nước. Tháng 1 năm 2009, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và chính thức đưa vào hoạt động Nhà máy Xi titan Bình Định – giai đoạn 1 với công suất giai đoạn 1 là 9.500 tấn sản phẩm/năm. Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 khoảng 44 tỷ đồng. Đây là một dự án đầu tư nhằm nâng cao đáng kể giá trị gia tăng của sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm tài nguyên, kéo dài tuổi thọ của mỏ, đồng thời phù hợp với quy hoạch của Nhà nước về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan giai đoạn 2007 – 2015, định hướng phát triển đến 2025. Nhà máy sản xuất ra các loại sản phẩm là Xi Titan có hàm lượng từ 75% đến 92% TiO_2 và Gang hợp kim có hàm lượng $Fe \geq 98\%$, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu cho thị trường Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc.

Năm 2011, thị trường tiêu thụ mặt hàng Xi titan có sự khởi sắc hơn so với trước. Mặt khác thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng này cũng đã giảm từ 15% xuống 10%. Các yếu tố trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu mặt hàng Xi

titan. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên của thị trường về mặt hàng này, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã nhất trí thông qua việc tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 của Dự án Nhà máy Xi titan Bình Định. Công suất của Dự án giai đoạn 2 tăng lên 2,5 lần so với công suất ban đầu của Dự án giai đoạn 2. Quý 3 năm 2012 Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành dây chuyền luyện xi titan giai đoạn 2, làm tiền đề quan trọng cho việc nâng cao sản lượng sản phẩm chế biến sâu cho các năm sau. Trong quá trình đầu tư xây dựng, ngoài việc đầu tư cho hệ thống thiết bị phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, Công ty còn tiến hành đầu tư thêm hệ thống xử lý khói bụi cho dây chuyền thiết bị. Việc đầu tư này đã giải quyết triệt để vấn đề ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty sản xuất lâu dài, ổn định trên địa bàn.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan. Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (trừ điều tra, thăm dò dầu khí). Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản. Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến các loại quặng khoáng sản.

- Địa bàn kinh doanh: Toàn bộ địa bàn hoạt động của Công ty hiện nay nằm trong phạm vi tỉnh Bình Định. Bao gồm:

+ Trụ sở chính của Công ty: 11 Hà Huy Tập, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

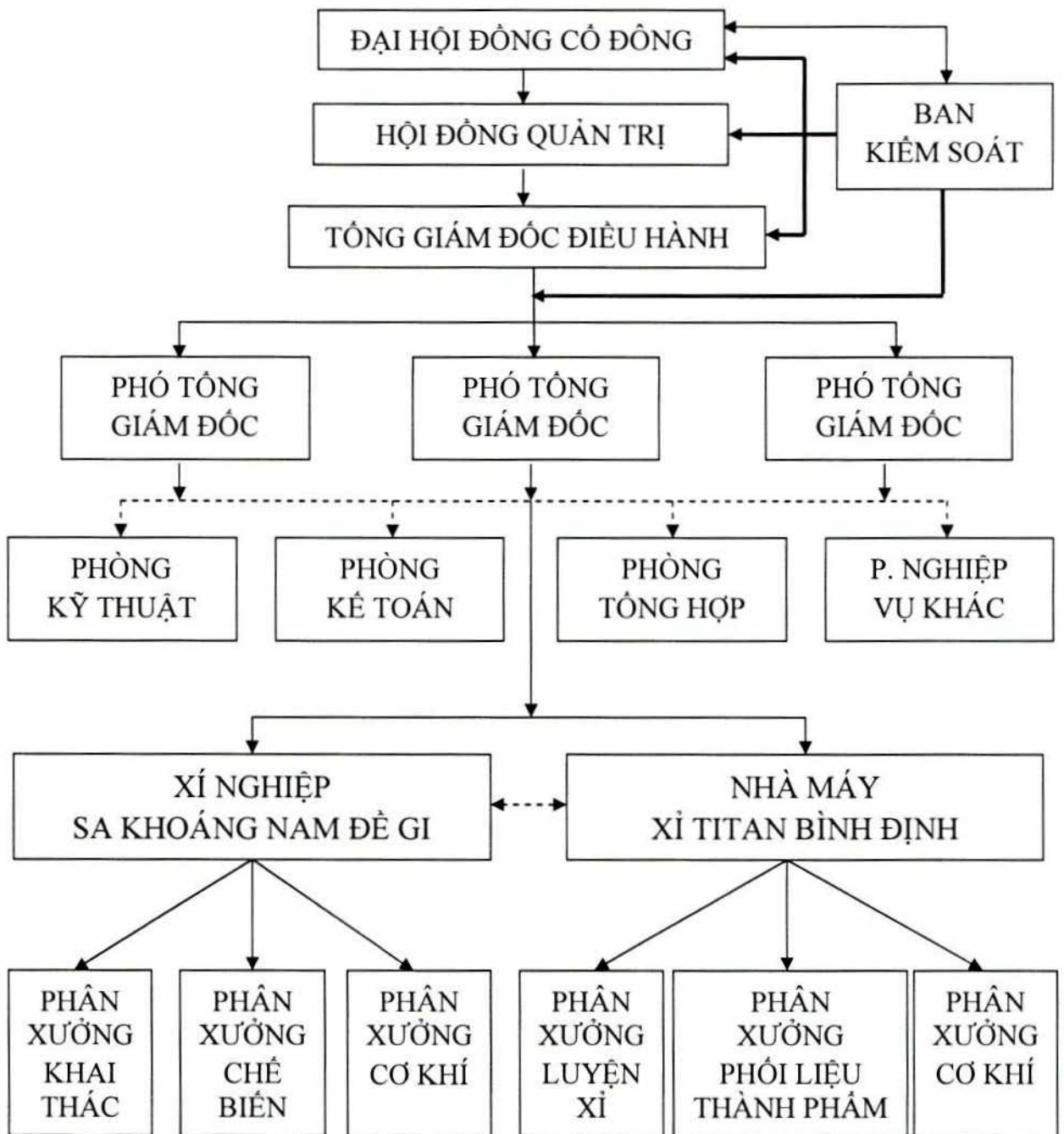
+ Các cơ sở sản xuất: Công ty hiện có 02 cơ sở sản xuất:

• Xí nghiệp Sa khoáng Nam Đê Gi, thuộc xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Sản phẩm của Xí nghiệp là các loại tinh quặng được chế biến từ quặng sa khoáng Titan nguyên khai. Bao gồm: Ilmenite, Zircon, Rutile, Monazite và Magnetic. Trong đó sản phẩm Ilmenite sản xuất ra một phần cung cấp cho Nhà máy Xi titan Bình Định, phần còn lại dùng để bán cho các đối tượng có nhu cầu.

• Nhà máy Xi titan Bình Định: thuộc xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Nhà máy sử dụng nguyên liệu chính là tinh quặng Ilmenite (là sản phẩm của XN Sa khoáng Nam Đê Gi) để tiếp tục thực hiện công đoạn chế biến sâu. Sản phẩm của Nhà máy là Xi titan các loại và gang hợp kim.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty:



Chú thích



Quan hệ trực tuyến



Quan hệ chức năng



Quan hệ kiểm soát

5. Định hướng phát triển:

- Lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả và sự hài lòng của khách hàng làm thước đo cho sự phát triển bền vững.

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Tiếp tục củng cố sản xuất kinh doanh cả mặt hàng tinh quặng truyền thống lẫn sản phẩm chế biến sâu để tận dụng lợi thế của Công ty đối với ngành khai thác và chế biến titan, tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới đối với sản phẩm titan để nâng cao hiệu quả đầu tư, tạo thế ổn định và phát triển cho Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước để thực hiện chế biến sâu sản phẩm titan, cũng như tìm kiếm dự án sản phẩm khác nhằm thực hiện chủ trương đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở phát huy ưu thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến sâu titan.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động; đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tập trung cho việc vạch ra chiến lược Marketing tạo thế cạnh tranh khi thị trường tiêu thụ sản phẩm mở rộng nhằm nâng cao giá trị hàng hoá xuất khẩu.

- Tiếp tục nghiên cứu các dự án đầu tư chế biến sâu sản phẩm titan nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, kéo dài tuổi thọ của mỏ, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã tích cực và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác vùng mỏ mới với diện tích 150 ha, trữ lượng 334.597 tấn. Đây là tiền đề vô cùng quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu hiện tại của thị trường cũng như đầu tư cho các dự án đầu tư chế biến sâu mang tính dài hơi, phục vụ cho kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.

- Liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước tìm kiếm sản phẩm mới nhằm thực hiện chiến lược đa dạng hoá sản phẩm.

- Tái cấu trúc lại mô hình tổ chức quản lý nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tương lai.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản, Công ty luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường. Mục tiêu của Công ty đối với vấn đề môi trường là:

- Hướng tới việc hình thành nên một hệ thống sản xuất thân thiện với môi trường, giảm thiểu đến mức thấp nhất các chất thải nguy hại cũng như các ảnh hưởng tiêu cực khác đến môi trường.

- Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân tại nơi có tài nguyên Công ty đang khai thác hoặc địa bàn mà Công ty đứng chân phù hợp với khả năng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty theo các phương thức thích hợp nhằm thực hiện có hiệu quả việc từng bước góp phần cải thiện đời sống nhân dân tại địa phương, tạo sự đồng thuận cao giữa doanh nghiệp và địa phương cũng như môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty.

a. Rủi ro biến động kinh tế.

Mức độ tăng trưởng của nền kinh tế là một nhân tố quan trọng quyết định tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp có sử dụng hợp chất Titan (bất động sản, công nghiệp ô tô, hàng không, vũ trụ, công nghiệp men, sứ, nhựa, sơn ...) và qua đó trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng tới ngành khai thác và chế biến các sản phẩm từ quặng Titan. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh và ổn định sẽ kéo theo nhu cầu về hợp chất Titan và ngược lại, nền kinh tế phát triển trì trệ sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành khai thác và sản xuất các hợp chất Titan. Mức độ phát triển của nền kinh tế thế giới có ảnh hưởng đến sự phát triển của các ngành công nghiệp và gián tiếp tác động đến sự phát triển của các doanh nghiệp hoạt động khai thác chế biến sa khoáng Titan.

b. Rủi ro chính sách nhà nước.

Một bộ phận sản phẩm của Công ty được xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Malaysia, Trung Quốc, Hàn Quốc, Châu Âu. Để bảo đảm sự phát triển ổn định và vững chắc của doanh nghiệp, tạo sự chủ động của Công ty trong sản xuất kinh doanh trước chủ trương hạn chế xuất khẩu tinh quặng Titan của Nhà nước hiện nay, Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào vận hành khai thác toàn bộ dây chuyền sản xuất Xi titan với công suất thiết kế khoảng 35.000 tấn sản phẩm /năm. Việc đưa toàn bộ dây chuyền sản xuất xi titan vào hoạt động là tiền đề quan trọng cho Công ty trong việc hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

c. Rủi ro pháp luật.

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chế độ, chính sách luôn có thể xảy ra – đặc biệt là các chính sách về thuế - và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

d. Rủi ro tỷ giá hối đoái.

Phần lớn doanh thu của Công ty từ việc xuất khẩu và các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của Công ty được ký với đơn vị tính là USD, do đó sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ tác động đến doanh thu của Công ty, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Trong năm 2016 tỷ giá VND/USD biến động tăng ở mức độ vừa phải, nên ảnh hưởng không nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

e. Rủi ro khác.

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch hoạ, hoả hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2016	TH 2016	TH 2016 /KH 2016	TH 2016 /TH 2015
1. Giá trị sản xuất CN	Tr.đồng	33.354	46.682	139,96%	123,37%
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	111.912	117.032	104,58%	84,90%
3. Kim ngạch nhập khẩu	Ng. USD				
4. Kim ngạch xuất khẩu	Ng. USD	4.370	2.934	67,14%	51,54%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	7.000	11.672	166,74%	81,17%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.000	9.236	153,93%	76,49%
7. Đầu tư mới	Tr.đồng	6.000	2.850	47,50%	
8. Nộp ngân sách	Tr.đồng	25.076	26.065	103,94%	95,50%

Trong năm 2016, sản lượng tiêu thụ đạt 28.736 tấn sản phẩm các loại. Giá bán trong năm 2016 mặc dù có được cải thiện so với 2015 song vẫn ở mức thấp. Doanh thu 2016 chỉ bằng 84,9% so với năm 2015. Năm 2016 tỷ trọng doanh thu bán sản phẩm trong nước tăng lên nên giá trị kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 2,93 triệu USD đạt 67,14% so với kế hoạch năm. Trừ chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu, nhìn chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 về cơ bản là đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đề ra, trong đó lợi nhuận sau thuế vượt 53,93%.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đã thông qua kế hoạch tỷ lệ trả cổ tức năm 2016 là 6%. Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức còn lại năm 2014 là 15% và lần 1 năm 2015 là 6% cho cổ đông, số cổ tức 4% còn lại của 2015 Công ty sẽ thực hiện chi trả cho cổ đông trong tháng 4/2017.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Ban điều hành:

a.1 Danh sách:

Ban điều hành của Công ty hiện nay gồm có:

- Ông: Lê Anh Vũ : Tổng Giám đốc
- Ông: Hà Văn Cường : Phó Tổng giám đốc
- Ông: Trần Cảnh Thịnh : Phó Tổng giám đốc
- Ông: Huỳnh Ngọc Bích : Kế toán trưởng.

a.2 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Ông LÊ ANH VŨ

- Ngày sinh: 04/12/1962
 Nơi sinh: Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Xã Hương Xuân, huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: Tổ 33A khu vực 1 Phường Trần Phú, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 056-3820081
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế
- Quá trình công tác:
- 01/1990 - 10/1995: Chuyên viên Kế toán tại Sở Công nghiệp Bình Định
 - 11/1995 - 12/2000: Phụ trách Kế toán tại Công ty Khoáng sản Bình Định
 - 01/2001 - 05/2007: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
 - 06/2001 - 04/2011: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Khoáng sản Bình Định Việt Nam - Malaysia.
 - 05/2001 - 10/2012: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
 - 11/2012 – 05/2014: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
 - 06/2014 - đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Số cổ phần nắm giữ: 1.922.246 cổ phần.
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 63.351 cổ phần.
+ Đại diện sở hữu: 1.858.895 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Ông HÀ VĂN CƯỜNG

Ngày sinh: 08/01/1964
Nơi sinh: Xã Cát Nhơn, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Cát Nhơn, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú: 09 - Đường Võ Đình Tú, Tp. Quy Nhơn
ĐT liên lạc ở cơ quan: 056-3825857
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:

- 10/1987 - 6/1993: Công tác tại Nhà máy Cơ khí Thống nhất Nghĩa Bình, chức vụ đảm nhận: Kỹ sư cơ điện. Kỹ sư công nghệ
- 06/1993 - 10/1998: Công tác tại Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung Bình Định, chức vụ: Kỹ sư công nghệ.
- 10/1998 - 04/2002: Công tác tại Phòng Kỹ thuật Sở Công nghiệp Tỉnh Bình Định, chức vụ chuyên viên kỹ thuật
- 04/2002 – 04/2006: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 04/2006 – đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Số cổ phần nắm giữ: 3.577 cổ phần.
Trong đó: Sở hữu cá nhân: 3.577 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

Ông TRẦN CẢNH THỊNH

Ngày sinh: 20/03/1965
Nơi sinh: Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú: KV 12, P. Ngô Mây, TP Quy Nhơn, Bình Định
ĐT liên lạc ở cơ quan: 056.3822039
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
Quá trình công tác:

- 9/1986 - 8/1994: Công tác tại Ban Quản lý Công trình Thủy điện Vĩnh Sơn
- 9/1994 - 4/2001: Công tác tại Cảng Thị Nại Bình Định.
- 5/2001 - 3/2002: Công tác tại Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định.
- 4/2002 - 3/2007: Trưởng phòng Tổng hợp Cty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 4/2007 – 02/2012: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Tổng hợp Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.
- 3/2012 - đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ: 12.000 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Ông HUỖNH NGỌC BÍCH

Ngày sinh: 15/06/1965
Nơi sinh: Tam Quan, Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Tam Quan, Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú: 363 Nguyễn Thị Minh Khai, TP Quy Nhơn, Bình Định
Điện thoại liên lạc: 0989 072 940
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán
Quá trình công tác:

- 07/1987 - 07/1995: Kế toán Công ty vật tư Bình Định
- 08/1995 - 04/2000: Kế toán tổng hợp Công ty Khoáng sản Bình Định.
- 05/2000 - 01/2008: Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán tổng hợp Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
- 01/2008 - 10/2012: Kế toán tổng hợp Công ty CP Khoáng sản Bình Định.
- 11/2012 - đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng sản Bình Định.

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định. Thư ký Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
Số cổ phần nắm giữ: 45.372 cổ phần.
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 45.372 cổ phần.
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

b. Các thay đổi trong Ban điều hành năm 2015:

Trong năm 2016 Công ty không có sự thay đổi nhân sự cấp cao nào

c. Người lao động tại Công ty:

c.1. Số lượng:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 270 người, trong đó lao động gián tiếp là 29 người.

c.2 Chính sách đối với người lao động:

❖ Chế độ làm việc.

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo ca với mật độ 3 ca/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định

đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động.

- Nộp BHXH, BHYT, BHTN cho 100% CBCNV.
- Trang bị phương tiện lao động cho 100% CBCNV.
- Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành.
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động.
- Tiền ăn giữa ca.
- Mua bảo hiểm kết hợp tai nạn – sinh mạng – nằm viện, phẫu thuật cho toàn bộ người lao động tại Công ty.

Ngoài ra, công tác an toàn lao động được cấp lãnh đạo Công ty quan tâm hàng đầu, quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên đều được tạo điều kiện thuận lợi.

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo.

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Giá trị đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị trong năm 2016 là không nhiều, chỉ khoảng 2.850 triệu đồng, chủ yếu là phục vụ cho việc xây dựng nhà kho chứa sản phẩm và các tài sản khác của Công ty.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	237.774	219.552	-7,66%
Doanh thu thuần	123.231	109.801	-10,90%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.324	7.968	-44,37%
Lợi nhuận khác	55	3.705	6628,64%
Lợi nhuận trước thuế	14.379	11.672	-18,82%
Lợi nhuận sau thuế	12.074	9.236	-23,51%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	51,32%	42,47%	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	374,34%	549,27%
Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	92,83%	38,11%
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	17,69%	12,90%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	21,49%	14,81%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	0,92	0,84
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	51,83%	50,01%
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,80%	8,41%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,17%	4,83%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,08%	4,21%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	11,62%	7,26%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 12.392.630
 Trong đó: cổ phần phổ thông : 12.392.630
 Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 12.392.630

b. Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu: (tại ngày 16/03/2017)

Đối tượng sở hữu vốn	Tổng cộng	Cổ đông Nhà nước	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%	Cổ đông sở hữu dưới 1 %
TRONG NƯỚC					
- Số lượng CP	11.077.981	3.098.184	3.471.172	1.171.690	3.336.935
- Tỷ lệ (%)	89,39%	25,00%	28,01%	9,45%	26,93%
<i>Trong đó:</i>					
Tổ chức					
- Số lượng CP	5.930.101	3.098.184	2.790.012	0	41.905
- Tỷ lệ (%)	47,85%	25,00%	22,51%	0,00%	0,34%
Cá nhân					
- Số lượng CP	5.147.880	0	681.160	1.171.690	3.295.030
- Tỷ lệ (%)	41,54%	0,00%	5,50%	9,45%	26,59%
NƯỚC NGOÀI					
- Số lượng CP	1.314.649	0	0	538.150	776.499
- Tỷ lệ (%)	10,61%	0,00%	0,00%	4,34%	6,27%
<i>Trong đó:</i>					
Tổ chức					
- Số lượng CP	805.046	0	0	538.150	266.896
- Tỷ lệ (%)	6,50%	0,00%	0,00%	4,34%	2,15%
Cá nhân					
- Số lượng CP	509.603			0	509.603
- Tỷ lệ (%)	4,11%	0,00%	0,00%	0,00%	4,11%
TỔNG CỘNG					

- Số lượng CP	12.392.630	3.098.184	3.471.172	1.709.840	4.113.434
- Tỷ lệ (%)	100,00%	25,00%	28,01%	13,80%	33,19%
<i>Trong đó:</i>					
Tổ chức					
- Số lượng CP	6.735.147	3.098.184	2.790.012	538.150	308.801
- Tỷ lệ (%)	54,35%	25,00%	22,51%	4,34%	2,49%
Cá nhân					
- Số lượng CP	5.657.483	0	681.160	1.171.690	3.804.633
- Tỷ lệ (%)	45,65%	0,00%	5,50%	9,45%	30,70%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2016 không có sự biến động về vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất trong năm:

- Dầu diezen: 25.500 lít

- Than các loại: 220 tấn

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Điện: 15,1 triệu kwh

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

* Xí nghiệp sa khoáng Nam Đề Gi:

- Nguồn cung cấp nước: tự chảy từ moong khai thác trong mỏ.

- Lượng nước sử dụng: $\approx 3,3 \text{ m}^3/\text{tấn}$ quặng thô

* Nhà máy Xi Titan Bình Định:

- Nguồn cung cấp nước: Mua ngoài (từ Cụm công nghiệp Cát Nhơn)

- Lượng nước sử dụng: $3.000 \text{ m}^3/\text{năm}$.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Tỷ lệ nước tái sử dụng khoảng 70%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, thu nhập trung bình đối với người lao động.

Tại 31/12/2016 Công ty có 270 lao động, thu nhập bình quân người lao động trong năm 2016 là 4,8 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo ca với mật độ 3 ca/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động.

- Nộp BHXH, BHYT, BHTN cho 100% CBCNV.
- Trang bị phương tiện lao động cho 100% CBCNV.
- Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành.
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động.
- Tiền ăn giữa ca.
- Mua bảo hiểm kết hợp tai nạn – sinh mạng – nằm viện, phẫu thuật cho toàn bộ người lao động tại Công ty.

Về công tác an toàn lao động lãnh đạo Công ty thường xuyên quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân tại nơi có tài nguyên Công ty đang khai thác hoặc địa bàn mà Công ty đứng chân phù hợp với khả năng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty theo các phương thức thích hợp nhằm thực hiện có hiệu quả việc từng bước góp phần cải thiện đời sống nhân dân tại địa phương, tạo sự đồng thuận cao giữa doanh nghiệp và địa phương cũng như môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Mức hỗ trợ bình quân hàng năm khoảng 1% lợi nhuận sau thuế.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Tình hình thực hiện kế hoạch 2016:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ hoàn thành
1. Giá trị sản xuất CN	Tr.đồng	33.354	46.682	139,96%
2. Tổng doanh thu	Tr.đồng	111.912	117.032	104,58%
3. Kim ngạch nhập khẩu	Ng. USD			
4. Kim ngạch xuất khẩu	Ng. USD	4.370	2.934	67,14%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	7.000	11.672	166,74%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.000	9.236	153,93%
7. Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	6%		0,00%
8. Vốn Điều lệ	Tr.đồng	123.926	123.926	100,00%
9. Đầu tư mới	Tr.đồng	6.000	2.850	47,50%
10. Nộp ngân sách	Tr.đồng	25.076	26.065	103,94%

b. Đánh giá kết quả SXKD:

Năm 2016, tình hình kinh tế và thị trường titan thế giới vẫn chưa có sự khởi sắc đáng kể, giá cả hàng hóa một số có tăng lên, một số khác giảm xuống. Sản lượng tiêu thụ có được cải thiện hơn so với 2015. Kết quả nhìn chung là đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.

Khó khăn, nguyên nhân:

- **Vấn đề thị trường:** Trong giai đoạn từ cuối năm 2012 đến nay, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh Titan nói chung và Công ty nói riêng đang phải đối mặt với tình trạng thị trường titan thế giới bị giảm sút đáng kể. Số lượng tiêu thụ và giá cả các sản phẩm titan trên thị trường đang xuống rất thấp (giảm hơn 60% so với giá tại thời điểm đầu năm 2012) và vẫn tiếp diễn trong năm 2015. Tính đến thời điểm cuối năm 2015, giá thị trường của các sản phẩm titan đã xuống đến mức rất thấp.. Năm 2016 thị trường có được cải thiện nhưng không nhiều. Giá cả của những sản phẩm chủ yếu nhìn chung vẫn ở mức thấp.

- **Vấn đề về thuế, phí:** Các chính sách thuế, phí được ban hành đang làm cho các doanh nghiệp trong ngành titan nói chung phải chịu thêm gánh nặng tài chính. Một số doanh nghiệp đã phải dừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng. Bản thân Công ty CP Khoáng sản Bình Định cũng đã phải cắt giảm 50% sản lượng so với trước đây để hạn chế bớt áp lực về giá trị hàng tồn kho ngày càng tăng lên do sức mua của thị trường bị thu hẹp đáng kể.

Thuế suất thuế tài nguyên đang ở mức cao (16%) cũng góp phần làm tăng chi phí và giá thành sản phẩm.

Bên cạnh đó việc thực hiện Nghị định 203/2013/NĐ-CP quy định về việc tính mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có hiệu lực từ ngày 20/01/2014 làm tăng thêm áp lực tài chính cho các doanh nghiệp khai thác khoáng sản nói chung, tỷ trọng giá trị thuế, phí chiếm trong giá thành vốn đã cao lại càng cao hơn.

c. Những tiến bộ đạt được:

Trong điều kiện có nhiều khó khăn, Công ty đã có nhiều cố gắng và đạt được những tiến bộ nhất định:

- Trong khâu khai thác: Công ty đã thực hiện đầu tư các trang thiết bị cần thiết để bảo đảm khai thác triệt để tài nguyên, tiết kiệm chi phí khai thác, kéo dài tuổi thọ của mỏ.

- Trong khâu chế biến: Nhờ đầu tư máy móc thiết bị, Công ty đã tăng tỷ lệ thu hồi sản phẩm trong quá trình chế biến sản phẩm. Đối với sản phẩm xỉ về cơ bản đội ngũ cán bộ kỹ thuật Công ty đã làm chủ được dây chuyền luyện xỉ, thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu về chất lượng sản phẩm cho các đối tượng khách hàng khác nhau.

- Về vấn đề môi trường: Công ty đã thực hiện tốt việc hoàn thổ, trồng cây phục hồi môi trường sau khai thác. Năm 2016 Công ty được tiếp tục đánh giá là doanh nghiệp thực hiện việc trồng cây phục hồi môi trường tốt nhất so với các doanh nghiệp khai thác titan khác tại địa bàn tỉnh Bình Định. Công ty cũng quan tâm đầu tư hoàn chỉnh hệ thống xử lý khói bụi. Nhờ vậy đã xử lý triệt để vấn đề khói bụi trong chế biến sâu.

- Từ năm 2014 Công ty đã tiến hành hoàn thiện trong việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào quá trình sản xuất kinh doanh. Việc áp dụng ISO 9001:2008 một mặt bảo đảm sự chặt chẽ của quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín của Công ty đối với khách hàng, mặt khác, đây cũng là tiền đề quan trọng cho Công ty trong việc tiếp cận và phát triển khách hàng mới, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2016
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	44,52%	43,60%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	55,48%	56,40%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	17,69%	12,90%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	82,31%	87,10%
3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán nhanh	60,12%	22,67%
	- Khả năng thanh toán hiện hành	374,34%	549,27%
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	6,05%	5,32%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,80%	8,41%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	6,17%	4,83%

a. Tình hình tài sản

Tình hình tài sản của Công ty so với năm 2015 nhìn chung ít biến động. Cơ cấu giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn không có sự thay đổi đáng kể.

Về tỷ suất lợi nhuận: thấp hơn so với năm 2015. Điều này có nguyên nhân là do thị trường trong nước và thế giới năm 2016 vẫn tiếp tục khó khăn, làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

- Các khoản nợ phải thu nhìn chung là bình thường. Tính đến thời điểm 31/12/2016, Công ty không có bất cứ khoản nợ xấu cũng như khoản nợ khó đòi nào trên số dư nợ phải thu của Công ty.

b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm 2015 có giảm một ít so với năm trước. Nhìn chung tình hình nợ phải trả là bình thường.

- Về nợ ngắn hạn: Chủ yếu là “Khoản phải trả ngắn hạn khác” giá trị 6.998 triệu đồng, trong số này chủ yếu là Quỹ trả cổ tức chiếm 5.083 triệu đồng, đây là phần lợi nhuận sau thuế dùng để chi cổ tức cho cổ đông nhưng chưa chi, được chuyển sang khoản phải trả để theo dõi; và khoản "Kinh phí công đoàn" (1,52 tỷ đồng). Các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác nhìn chung là bình thường.

- Về nợ dài hạn: Là khoản nợ phải trả do Công ty thuê đất tại Cụm công nghiệp Cát Nhơn để xây dựng Nhà máy xi titan Bình Định. Thời hạn trả kéo dài 45 năm kể từ ngày thuê đất.

c. Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái:

Trong năm 2016, tỷ giá USD có sự biến động nhẹ. Mức độ ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là không nhiều.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Qua nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty ngày càng phát triển lớn mạnh, quy mô của Công ty phát triển trên nhiều mặt. Vốn Điều lệ tăng từ 13,1 tỷ đồng năm 2006, hiện nay là gần 124 tỷ đồng, tổng tài sản đạt hơn 219 tỷ đồng. Số lượng lao động hiện nay là 270 người, địa bàn hoạt động mở rộng và mức độ phức tạp của quản lý theo đó cũng tăng lên tương ứng.

Trong bối cảnh đó, để đáp ứng với nhu cầu quản lý sản xuất kinh doanh trong giai đoạn mới, Công ty đã tiến hành thay đổi mô hình quản lý từ mô hình quản lý hai cấp (cấp Công ty và cấp Phân xưởng) sang mô hình quản lý ba cấp (cấp Công ty, cấp Nhà máy, Xí nghiệp và cấp Phân xưởng).

Như vậy, mô hình quản lý mới bổ sung thêm cấp quản lý trung gian là cấp Nhà máy, Xí nghiệp. Việc bổ sung thêm cấp quản lý này một mặt tăng cường quyền hạn cũng như tính chủ động của người đứng đầu cấp Nhà máy, Xí nghiệp; khắc phục được những bất cập của mô hình quản lý cũ; mặt khác, trách nhiệm của các cấp quản lý cũng được tách bạch rõ ràng và nâng cao hơn một bước, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý chung trong toàn Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Theo định hướng phát triển trước mắt cũng như lâu dài, Công ty sẽ phát triển theo hướng tận dụng và phát huy mạnh mẽ các lợi thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến sa khoáng titan, tiếp tục nghiên cứu đầu tư các công nghệ chế biến titan sâu hơn trên cơ sở phát huy công nghệ hiện có và tiếp thu các công nghệ tiên tiến

khác trong nước và trên thế giới. Tiếp tục nâng cao hàm lượng kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, tạo ra sự khác biệt về sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh, tạo thế đứng vững chắc trong lĩnh vực khai thác và chế biến titan, tăng giá trị gia tăng của các sản phẩm, làm cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh các sản phẩm chế biến titan truyền thống, Công ty cũng chú trọng đến việc mở rộng ngành nghề, thực hiện mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, góp phần tạo điều kiện cho sự phát triển ổn định và vững chắc của Công ty trong tương lai.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm qua, để phục vụ cho công tác quản trị Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức họp 04 lần, đã ban hành 04 nghị quyết, đồng thời thực hiện tốt quyền hạn của mình trong việc giám sát, triển khai và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Tổng Giám đốc.

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp tốt và thỏa mãn các yêu cầu của Ban kiểm soát nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát phát huy đầy đủ chức năng và hoàn thành nhiệm vụ của mình trong năm 2016.

- Bên cạnh việc nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đề ra, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và đảm bảo các quyền lợi của người lao động như chế độ BHXH, BHYT, BHTN ...

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty cũng quan tâm tạo điều kiện để các tổ chức chính trị xã hội trong doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Trong năm 2016, trong điều kiện sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn về mặt thị trường, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có những nỗ lực đáng kể nhằm ổn định và duy trì sản xuất kinh doanh, cũng như trong việc nỗ lực thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu do Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đề ra, ổn định thu nhập cho người lao động trong Công ty, tạo cơ sở cho việc ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2017 và những năm sắp tới.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại 16/03/17	Ghi chú
----	-----------	---------------------------	---------

		Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu	
	Cộng	0,64%	47,51%	
1	Lê Anh Vũ	0,51%	15,00%	
2	Hoàng Liên Sơn		22,51%	Thành viên không ĐH
3	Nguyễn Bạo		10,00%	Thành viên không ĐH
4	Trần Cảnh Thịnh	0,10%		
5	Hà Văn Cường	0,03%		

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định luôn bám sát và thực hiện đúng chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp và ban hành các Nghị quyết phù hợp tình hình thực tế, góp phần mang lại hiệu quả cao cho đơn vị. Cụ thể như sau:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT-BMC	29/03/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2015. - Thông qua phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2016 để trình Đại hội đồng cổ đông. - Thông qua chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông 2016. - Thông qua một số vấn đề có liên quan khác.
2	06/NQ-HĐQT-BMC	14/06/2016	Thông qua tỷ lệ và mức chi trả cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2016
	09/NQ-HĐQT-BMC	15/08/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua số liệu Báo cáo tài chính 6 tháng 2016 đã được soát xét bởi kiểm toán độc lập. - Thông qua một số vấn đề có liên quan khác.
	10/NQ-HĐQT-BMC	30/12/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc giao Ban Quản lý điều hành triển khai Dự án khai thác cát. - Thông qua chủ trương xử lý hàng tồn kho - Thông qua việc hạch toán khoản đền bù di dời

			tài sản
--	--	--	---------

● **Về ưu điểm:**

☞ *Về công tác chỉ đạo điều hành:*

HDQT thống nhất cao về mục tiêu cùng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HDQT đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các Nghị quyết và chỉ đạo Ban Điều hành Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được HDQT và Ban quản lý tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể, người lao động và các cổ đông, do đó đã tạo được bầu không khí dân chủ, gắn bó của toàn thể CBCNV và cổ đông với Công ty.

☞ *Về công tác nhân sự:*

Trong năm 2016, để nâng cao hiệu lực quản lý, phục vụ tốt hơn cho công tác điều hành và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục thực hiện việc hoàn thiện và ổn định cơ cấu tổ chức theo mô hình tổ chức quản lý mới theo hướng làm vững mạnh và phân nhiệm rõ ràng hơn, tạo điều kiện để các bộ phận chủ động trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Công ty giao, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

● **Những hạn chế:**

Chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động liên doanh liên kết và đa dạng hóa sản phẩm cho nên chưa tận dụng hết lợi thế Công ty cũng như cơ hội của thị trường để nâng hiệu quả sản xuất kinh doanh lên cao hơn nữa.

● **Biện pháp khắc phục:**

Hoàn chỉnh cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành của UBCK Nhà nước. Nghiên cứu, xem xét thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và các chức danh khác phù hợp với điều kiện và yêu cầu quản trị của Công ty.

Xây dựng đồng bộ hệ thống các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, của HDQT và các quy chế quy định khác theo yêu cầu quản lý, điều hành Công ty.

Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, cùng cố sự đoàn kết thống nhất trong HDQT và trong Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty, phối hợp hài hòa mối quan hệ giữa người lao động và cổ đông của Công ty.

d. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hiện tại trong cơ cấu Hội đồng quản trị chưa có thành viên độc lập không điều hành. Vấn đề này sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và bầu bổ sung trong thời gian sắp tới .

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hiện Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

f. Về việc tham gia các chương trình về quản trị công ty:

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị:

+ Ông: Lê Anh Vũ

+ Ông: Trần Cảnh Thịnh

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại 16/03/2017	
		Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu
	Cộng	0,01%	
1	Nguyễn Hồ Tường Vy		
2	Nguyễn Xuân Vinh	0,01%	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 02 lần để thực hiện việc kiểm tra định kỳ đối với các hoạt động của Công ty. Nội dung kiểm tra chủ yếu bao gồm:

- Kiểm tra báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm; thẩm định báo cáo tài chính; báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty; báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát cũng tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đưa ra những kiến nghị, đề xuất trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn.

Ngoài ra Ban kiểm soát còn thực hiện công tác giám sát bao gồm giám sát việc tuân thủ pháp luật của Nhà nước; Điều lệ Công ty; các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

❖ *Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:*

• **Hội đồng quản trị**

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Thưởng	Cộng
1	Lê Anh Vũ	Chủ tịch	64.000	25.155	89.155
2	Hoàng Liên Sơn	Thành viên	44.800	6.848	51.648
3	Nguyễn Bạo	Thành viên	44.800	11.739	56.539
4	Hà Văn Cường	Thành viên	44.800	18.447	63.247
5	Trần Cảnh Thịnh	Thành viên	44.800	18.447	63.247

• **Ban kiểm soát:**

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Thưởng	Cộng
1	Nguyễn Hồ Tường Vy	Trưởng ban	44.800	11.739	56.539
2	Nguyễn Xuân Vinh	Thành viên	32.000	8.385	40.385

❖ *Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:*

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Khác	Cộng
1	Lê Anh Vũ	Tổng GĐ	134.793	34.708	7.504	177.005
2	Hà Văn Cường	Phó TGĐ	110.293	31.610	6459	148.362
3	Trần Cảnh Thịnh	Phó TGĐ	105.748	27.526	7.479	140.753
4	Huỳnh Ngọc Bích	KTT	92.622	23.371	7.579	123.582

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không phát sinh.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị hiện chưa có thành viên HĐQT độc lập không điều hành. Vấn đề này sẽ được Hội đồng quản trị đưa vào chương trình nghị sự và bổ sung trong thời gian sắp tới.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Số: 22/BCKT/TC/2017/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(Về Báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
của Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định)**Kính gửi: - Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định.**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định được lập ngày 18 tháng 01 năm 2017 từ trang 07 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Bình Định tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3, năm 2017
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Giám đốc

Kiểm toán viên

Đinh Thế Đường

Đàm Minh Thủy

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1547-2013-142-1



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		123.829.540.089	131.921.506.194
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.111.022.297	21.186.241.431
1. Tiền	111	V.1	5.111.022.297	21.186.241.431
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		617.463.571	1.642.612.202
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.2	30.000.000	55.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	587.463.571	1.587.612.202
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	115.238.224.569	99.207.531.329
1. Hàng tồn kho	141		115.238.224.569	99.207.531.329
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.862.829.652	9.885.121.232
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.7	1.467.022.256	8.055.874.996
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	1.395.807.396	1.829.246.236
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		95.722.372.251	105.852.043.703
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		4.439.717.500	3.816.341.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	4.439.717.500	3.816.341.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		73.737.822.213	82.313.782.848
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	73.737.822.213	82.313.782.848
- Nguyên giá	222		205.516.933.481	204.781.144.271
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(131.779.111.268)	(122.467.361.423)
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.544.832.538	19.721.919.855
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	17.544.832.538	19.721.919.855
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		219.551.912.340	237.773.549.897

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		28.319.367.844	42.055.972.059
I. Nợ ngắn hạn	310		22.544.391.416	35.241.550.464
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	477.729.332	22.043.633
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	6.094.501.800	129.753.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.788.357.365	6.464.083.628
4. Phải trả người lao động	314	V.12	1.713.144.152	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.727.106.000	2.840.819.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	6.998.204.439	20.889.484.975
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.15	1.745.348.328	4.895.365.328
II. Nợ dài hạn	330		5.774.976.428	6.814.421.595
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.8	5.774.976.428	6.814.421.595
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.16	191.232.544.496	195.717.577.838
I. Vốn chủ sở hữu	410		191.232.544.496	195.717.577.838
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		123.926.300.000	123.926.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.926.300.000	123.926.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.391.000.000	19.391.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.200.946.838	34.129.645.874
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.714.297.658	18.270.631.964
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.478.526.000	6.196.315.000
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		9.235.771.658	12.074.316.964
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		219.551.912.340	237.773.549.897

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Bùi Danh Lynh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Huỳnh Ngọc Bích

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Anh Vũ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	109.801.335.798	123.231.338.944
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.2	109.801.335.798	123.231.338.944
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	90.331.892.767	92.380.164.506
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19.469.443.031	30.851.174.438
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	273.871.294	1.890.840.283
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	441.386.464	506.995.435
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.673.318	
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8a	4.032.538.555	10.181.218.469
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8b	7.301.674.529	7.730.222.992
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		7.967.714.777	14.323.577.825
11. Thu nhập khác	31	VI.6	4.009.677.000	55.058.565
12. Chi phí khác	32	VI.7	304.984.759	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.704.692.241	55.058.565
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.672.407.018	14.378.636.390
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	2.436.635.360	2.304.319.426
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.13	9.235.771.658	12.074.316.964
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	745	877
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

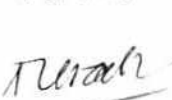
Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Bùi Danh Lynh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Huỳnh Ngọc Bích

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)




Lê Anh Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.672.407.018	14.378.636.390
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		11.300.464.768	10.952.710.339
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		183.715.939	(352.769.131)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.019.590.710)	(1.128.172.001)
- Chi phí lãi vay	06		8.673.318	
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.145.670.333	23.850.405.597
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.042.581.639	17.971.396.566
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.030.693.240)	2.052.059.537
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.657.366.564)	(13.053.691.362)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.177.087.317	2.874.131.405
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.673.318)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.048.060.988)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(623.376.500)	(544.176.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.997.168.679	33.150.125.243
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.724.504.133)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.004.838.500	66.433.566
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.752.210	22.195.497
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(704.913.423)	88.629.063

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.799.970.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.799.970.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(25.407.031.860)	(18.144.489.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.407.031.860)	(18.144.489.225)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(16.114.776.604)	15.094.265.081
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.186.241.431	4.494.159.196
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		39.557.470	1.597.817.134
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	5.111.022.297	21.186.241.431

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Nguyễn Bùi Danh Lynh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Huỳnh Ngọc Bích

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Anh Vũ

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ
 VÀ KIỂM TRA
 PHÍA NÀY
 T. P. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Bình Định được thành lập theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Định về việc chuyển Công ty Khoáng Sản Bình Định thành Công ty Cổ phần Khoáng Sản Bình Định; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3503000009 ngày 08 tháng 01 năm 2001; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 15 tháng 5 năm 2012; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 30 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 123.926.300.000 đồng (Một trăm hai mươi ba tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất công nghiệp; Khai thác chế biến và tiêu thụ các loại khoáng sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh:** Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản từ quặng sa khoáng Titan và các loại quặng, khoáng sản khác; Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (trừ điều tra, thăm dò dầu khí); Kiểm tra, phân tích kỹ thuật các loại quặng khoáng sản; Mua bán các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến các loại quặng khoáng sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Kỳ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:**
Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.
2. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**
Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.
3. **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:**



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

3.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.2 Các khoản chi vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

5.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

5.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

5.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

6.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

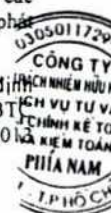
Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

10.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

10.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

11.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

11.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

11.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. **Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:** Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Chiết khấu thương mại: phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Bên bán hàng thực hiện kế toán chiết khấu thương mại theo những nguyên tắc sau:

Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản chiết khấu thương mại cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã trừ chiết khấu thương mại) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại (doanh thu thuần).

Kế toán phải theo dõi riêng khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp chi trả cho người mua nhưng chưa được phản ánh là khoản giảm trừ số tiền phải thanh toán trên hóa đơn. Trường hợp này, bên bán ghi nhận doanh thu ban đầu theo giá chưa trừ chiết khấu thương mại (doanh thu gộp). Khoản chiết khấu thương mại cần phải theo dõi riêng trên tài khoản này thường phát sinh trong các trường hợp như:

Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp này có thể phát sinh do người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu và khoản chiết khấu thương mại chỉ được xác định trong lần mua cuối cùng;

Các nhà sản xuất cuối kỳ mới xác định được số lượng hàng mà nhà phân phối (như các siêu thị) đã tiêu thụ và từ đó mới có căn cứ để xác định được số chiết khấu thương mại phải trả dựa trên doanh số bán hoặc số lượng sản phẩm đã tiêu thụ.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. Bên bán hàng thực hiện kế toán giảm giá hàng bán theo những nguyên tắc sau:

Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản giảm giá hàng bán cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã giảm (doanh thu thuần).



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. **Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:** Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Chiết khấu thương mại: phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Bên bán hàng thực hiện kế toán chiết khấu thương mại theo những nguyên tắc sau:

Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản chiết khấu thương mại cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã trừ chiết khấu thương mại) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại (doanh thu thuần).

Kế toán phải theo dõi riêng khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp chi trả cho người mua nhưng chưa được phản ánh là khoản giảm trừ số tiền phải thanh toán trên hóa đơn. Trường hợp này, bên bán ghi nhận doanh thu ban đầu theo giá chưa trừ chiết khấu thương mại (doanh thu gộp). Khoản chiết khấu thương mại cần phải theo dõi riêng trên tài khoản này thường phát sinh trong các trường hợp như:

Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng. Trường hợp này có thể phát sinh do người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu và khoản chiết khấu thương mại chỉ được xác định trong lần mua cuối cùng;

Các nhà sản xuất cuối kỳ mới xác định được số lượng hàng mà nhà phân phối (như các siêu thị) đã tiêu thụ và từ đó mới có căn cứ để xác định được số chiết khấu thương mại phải trả dựa trên doanh số bán hoặc số lượng sản phẩm đã tiêu thụ.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. Bên bán hàng thực hiện kế toán giảm giá hàng bán theo những nguyên tắc sau:

Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản giảm giá hàng bán cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã giảm (doanh thu thuần).



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

16.1 Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tiền mặt	584.768.475	977.942.440
* Tiền gửi ngân hàng	4.526.253.822	20.208.298.991
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT - CN.Bình Định (VND)	1.074.401.441	443.287.049
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN.Bình Định (VND)	42.386.373	42.172.089
- Ngân hàng NN & PTNT - CN.Bình Định (VND)	14.512.314	19.303.114
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN.Bình Định (# 807.73 USD)	18.335.471	18.060.843
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT - CN.Bình Định (# 148.300.96 USD)	3.369.397.811	12.164.300.782
- Ngân hàng NN & PTNT - CN.Bình Định (# 317.66 USD)	7.220.412	7.521.175.114
Cộng	5.111.022.297	21.186.241.431

2. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
* Trả trước cho người bán ngắn hạn	30.000.000	55.000.000
- Đoàn địa chất 502	30.000.000	30.000.000
- Phan Thanh Nghị		25.000.000
Cộng	30.000.000	55.000.000

3. PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a- Phải thu ngắn hạn khác	587.463.571		1.587.612.202	
- Bảo hiểm thất nghiệp	43.526.500		34.656.925	
- Bảo hiểm y tế	110.333.176		99.363.652	
- Bảo hiểm xã hội	49.888.095			
- Phải thu lại do chi dư lương năm 2015			658.352.825	
- Phải thu Quỹ phúc lợi	383.715.800		795.238.800	
b- Phải thu dài hạn khác	4.439.717.500		3.816.341.000	
* Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	4.439.717.500		3.816.341.000	
- Ký quỹ môi trường mỏ 73 ha Phù Cát	438.000.000		438.000.000	
- Ký quỹ môi trường mỏ 150 ha Phù Cát	3.922.517.500		3.378.341.000	
- Đặt cọc thuê đất làm kho	79.200.000			
Cộng	5.027.181.071		5.403.953.202	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH
 Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	2.254.202.350		3.677.621.052	
- Công cụ, dụng cụ	398.094.397		1.097.729.723	
- Thành phẩm	112.585.927.822		94.432.180.554	
Cộng	115.238.224.569		99.207.531.329	

5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	40.859.312.470	142.509.653.848	20.557.065.347	855.112.606	204.781.144.271
- Mua trong năm	2.674.504.133	50.000.000			2.724.504.133
- Cải tạo sửa chữa					
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		137.708.130			137.708.130
- Giảm khác	1.479.432.115		371.574.678		1.851.006.793
Số dư cuối năm	42.054.384.488	142.421.945.718	20.185.490.669	855.112.606	205.516.933.481
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	21.379.258.926	86.676.143.412	13.649.872.073	762.087.012	122.467.361.423
- Khấu hao trong năm	2.441.640.107	7.493.510.701	1.327.196.224	38.117.736	11.300.464.768
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	1.479.432.115	137.708.130	371.574.678		1.988.714.923
Số dư cuối năm	22.341.466.918	94.031.945.983	14.605.493.619	800.204.748	131.779.111.268
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	19.480.053.544	55.833.510.436	6.907.193.274	93.025.594	82.313.782.848
2. Tại ngày cuối năm	19.712.917.570	48.389.999.735	5.579.997.050	54.907.858	73.737.822.213

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
* Chi phí trả trước dài hạn	17.544.832.538	19.721.919.855
- Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ	122.207.000	577.163.782
- Phí cấp quyền khai thác mỏ	11.745.531.000	6.437.471.286
- Chi phí trồng rừng mỏ 73 ha Cát Thành	234.682.000	647.113.787
- Tiền thuê đất NMX 45 năm theo hợp đồng thuê đất	4.625.518.286	12.060.171.000
- Phí bảo lãnh của Ngân hàng BIDV CN Bình Định	126.051.852	
- Phí sử dụng tài liệu địa chất	690.842.400	
Cộng	17.544.832.538	19.721.919.855
7. TÀI SẢN KHÁC		
* Tài sản ngắn hạn khác	1.467.022.256	8.055.874.996
- Thuế GTGT được khấu trừ	1.467.022.256	8.055.874.996
Cộng	1.467.022.256	8.055.874.996



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

8. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Vay dài hạn	5.774.976.428	5.774.976.428	7.988.436.112	9.027.881.279	6.814.421.595	6.814.421.595
- Tiền thuê đất nhà máy xi	5.774.976.428	5.774.976.428	188.466.112	1.227.911.279	6.814.421.595	6.814.421.595
- Các khoản đi vay			7.799.970.000	7.799.970.000		
Cộng	5.774.976.428	5.774.976.428	7.988.436.112	9.027.881.279	6.814.421.595	6.814.421.595

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Phải trả người bán ngắn hạn	477.729.332	477.729.332	22.043.633	22.043.633
- DNTN Xuyên Quốc Dân			13.536.360	13.536.360
- DNTN TM Vận Tải Thế Anh			1.340.000	1.340.000
- Lê Thị Lai			490.000	490.000
- Hiệu buôn Trường Duyên			5.100.000	5.100.000
- DNTN Thành Bào			1.577.273	1.577.273
- Nguyễn Thị Minh Hiền (tiền mua gas bình)	30.690.000	30.690.000		
- Công ty TNHH SX và TM Vũ Anh	258.995.160	258.995.160		
- Công ty TNHH Tư Vấn Đại Lý Thuế	150.000.000	150.000.000		
- Công ty TNHH Vận Tải Bách Việt	12.008.272	12.008.272		
- HTX vận tải cơ giới 19/5 (tiền vận chuyển)	26.035.900	26.035.900		
Cộng	477.729.332	477.729.332	22.043.633	22.043.633

10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.094.501.800	129.753.900
- IRIS Corporation- Hàn Quốc (# 5,790.00 USD)		129.753.900
- Qinzhou Dewei Trade Company LTD (# 267,420.00 USD)	6.094.501.800	
Cộng	6.094.501.800	129.753.900



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

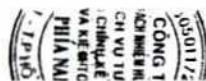
Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC	Đầu năm		Số phát sinh trong năm		Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
I. Thuế	1.829.246.236	6.376.833.715	20.879.175.959	23.148.169.081	1.395.807.396	3.674.401.752
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra						
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu			8.544.944	8.544.944		
- Thuế xuất khẩu	45.424.468		7.231.075.945	7.185.651.477		
- Thuế nhập khẩu			33.914.696	33.914.696		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.719.781.093		2.436.635.361	2.048.060.988	1.331.206.721	
- Thuế thu nhập cá nhân	64.040.675		179.266.230	179.826.230	64.600.675	
- Thuế tài nguyên		6.376.833.715	10.674.396.232	13.376.828.195		3.674.401.752
- Tiền thuế đất			305.277.354	305.277.354		
- Thuế đất phi nông nghiệp			7.065.197	7.065.197		
- Thuế Môn bài			3.000.000	3.000.000		
II. Các khoản phải thu khác		87.249.913	4.402.528.980	4.375.823.280		113.955.613
- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản			2.185.245.000	2.185.245.000		
- Phí nước thải công nghiệp			20.053.780	20.053.780		
- Phí bảo vệ môi trường		87.249.913	2.197.230.200	2.170.524.500		113.955.613
Cộng	1.829.246.236	6.464.083.628	25.281.704.939	27.523.992.361	1.395.807.396	3.788.357.365

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do thuế áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Lương phải trả công nhân viên

Cộng

Số cuối năm Số đầu năm

1.713.144.152

1.713.144.152

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

* Chi phí phải trả ngắn hạn

- Phí sử dụng tài liệu địa chất

- Phí quyền khai thác mỏ

Cộng

Số cuối năm Số đầu năm

1.727.106.000

2.840.819.000

1.727.106.000

2.840.819.000

1.727.106.000

2.840.819.000

14. PHẢI TRẢ KHÁC

* Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí Công đoàn

- Bảo hiểm xã hội

- Phan Huy Hoàng

- Tạm thu thuế thu nhập cá nhân

- Thuế thu nhập cá nhân người ngoài công ty

- Cổ đông Quách Xiếu An

- Quỹ trả cổ tức

- Cổ tức 10% năm 2011 của cổ đông lưu ký sản chứng khoán SME

- Khác

Cộng

Số cuối năm Số đầu năm

6.998.204.439

20.889.484.975

1.520.744.769

1.383.649.618

5.410.587

66.538.660

66.538.660

281.971.030

274.451.615

2.077.400

2.637.900

750.000

750.000

5.083.913.580

19.134.838.075

1.949.000

1.949.000

40.260.000

19.260.000

6.998.204.439

20.889.484.975

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH

- Quỹ khen thưởng

- Quỹ phúc lợi

- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành công ty

Cộng

Số cuối năm Số đầu năm

1.745.345.328

4.895.361.328

3.000

4.000

1.745.348.328

4.895.365.328

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

A	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Tổng Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	123.926.300.000	19.391.000.000	33.971.569.215		45.849.329.659	223.138.198.874
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lãi trong năm trước					12.074.316.964	12.074.316.964
- Tăng khác			158.076.659			158.076.659
- Giảm vốn trong năm trước						
- Lỗ trong năm trước						
- Giảm khác					39.653.014.659	39.653.014.659
Số dư đầu năm nay	123.926.300.000	19.391.000.000	34.129.645.874	-	18.270.631.964	195.717.577.838
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi trong năm nay					9.235.771.658	9.235.771.658
- Tăng khác			2.071.300.964			2.071.300.964
- Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác (*)					15.792.105.964	15.792.105.964
Số dư cuối năm nay	123.926.300.000	19.391.000.000	36.200.946.838	-	11.714.297.658	191.232.544.496

Ghi chú:

(*) Giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trích theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 03/NQ-ĐHĐCĐ-BMC ngày 10/04/2016.

- Trích cổ tức 2015

- Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015

- Thương bản điều hành năm 2015

- Quỹ đầu tư phát triển năm 2015

Cộng

Số tiền (VND)

12.392.630.000

1.207.432.000

120.743.000

2.071.300.964

15.792.105.964



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn của Công ty mẹ	0%		
- Vốn góp của đối tượng khác	100%	123.926.300.000	123.926.300.000
Cộng	100%	123.926.300.000	123.926.300.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- <i>Vốn chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu năm	123.926.300.000	123.926.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	123.926.300.000	123.926.300.000
- <i>Cổ tức lợi nhuận đã chia</i>	12.392.630.000	18.144.489.225

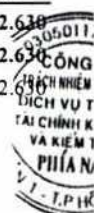
d/ Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.392.630	12.392.630
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	12.392.630	12.392.630
+ Cổ phiếu phổ thông	12.392.630	12.392.630
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.392.630	12.392.630
+ Cổ phiếu phổ thông	12.392.630	12.392.630
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP		
e/ Các quỹ của doanh nghiệp	36.200.946.838	34.129.645.874
- Quỹ Đầu tư và phát triển	36.200.946.838	34.129.645.874

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

* Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	149,426.35	878,206.53
Cộng	149,426.35	878,206.53

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

I. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	109.801.335.798	123.231.338.944
Cộng	109.801.335.798	123.231.338.944



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

	Năm nay	Năm trước
2. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
- Doanh thu thuần bán hàng	109.801.335.798	123.231.338.944
Cộng	109.801.335.798	123.231.338.944
3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	90.331.892.767	92.380.164.506
Cộng	90.331.892.767	92.380.164.506
4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.752.210	22.195.497
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	166.736.767	1.868.644.786
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	92.382.317	
Cộng	273.871.294	1.890.840.283
5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền vay	8.673.318	
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	156.614.890	506.995.435
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	276.098.256	
Cộng	441.386.464	506.995.435
6. THU NHẬP KHÁC		
- Thanh lý tài sản cố định	140.000.000	55.058.565
- Thu nhập khác	3.869.677.000	
Cộng	4.009.677.000	55.058.565
7. CHI PHÍ KHÁC		
- Tiền chậm nộp	304.067.378	
- Phạt VPHC thuế TNCN	917.381	
Cộng	304.984.759	
8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí khấu hao TSCĐ		18.958.335
- Dịch vụ mua ngoài		10.162.260.134
- Các khoản chi phí bán hàng	4.032.538.555	
Cộng	4.032.538.555	10.181.218.469



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

	Năm nay	Năm trước
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên quản lý	2.694.423.121	2.980.365.039
- Chi phí đồ dùng văn phòng	26.619.000	35.121.545
- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	58.790.092	58.790.092
- Thuế và lệ phí	2.313.254.931	1.724.029.364
- Dịch vụ mua ngoài	1.874.775.385	2.490.640.952
- Các khoản chi phí QLDN khác	333.812.000	441.276.000
Cộng	7.301.674.529	7.730.222.992
9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.012.175.868	50.212.781.555
- Chi phí nhân công	12.358.316.153	15.057.973.778
- Chi phí khấu hao TSCĐ	11.300.464.768	10.952.710.339
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.122.218.461	31.087.925.581
- Chi phí bằng tiền khác	351.862.000	510.728.000
Cộng	124.145.037.250	107.822.119.253
10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	2.436.635.360	2.304.319.426
Cộng	2.436.635.360	2.304.319.426
11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	9.235.771.658	12.074.316.964
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.235.771.658	10.866.884.964
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.392.630	12.392.630
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	745	877
12. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT		
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	414.000.000	528.000.000
Cộng	414.000.000	528.000.000

QUẢN LÝ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

13. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỶ	Năm nay	Năm trước
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	11.672.407.018	14.378.636.390
- Tổng lợi nhuận chịu thuế 20%	10.836.387.536	
- Tổng lợi nhuận chịu thuế 22% (Lợi nhuận năm 2015)	836.019.482	14.378.636.390
+ Các khoản điều chỉnh tăng	703.422.750	315.416.000
- Khoản điều chỉnh tăng chịu thuế 20%	703.422.750	
- Khoản điều chỉnh tăng chịu thuế 22%		315.416.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm		320.682.005
+ Tổng thu nhập chịu thuế	12.375.829.768	14.373.370.385
- Tổng thu nhập chịu thuế 20%	11.539.810.286	
- Tổng thu nhập chịu thuế 22%	836.019.482	14.694.052.390
+ Thuế TNDN phải nộp năm nay	2.491.886.343	3.162.141.485
- Thuế TNDN năm nay chịu thuế 20%	2.307.962.057	
- Thuế TNDN năm nay chịu thuế 22%	183.924.286	3.232.691.526
+ Thuế TNDN được miễn, giảm	55.250.983	857.822.080
+ Thuế TNDN còn phải nộp	2.436.635.360	2.304.319.405
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.235.771.658	12.074.316.964

0117,
 CÔNG T
 NHÊN H
 VỤ TU
 AI CHÍNH KẾ
 VÀ KIỂM TỐ
 PHÍA NAM
 1 - T.P.HỒ

VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG

1- Giao dịch giữa các bên liên quan: Không phát sinh

2- Về báo cáo bộ phận:

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản và chỉ có một hàng chủ yếu là các loại quặng khoáng sản titan, hoạt động sản xuất của công ty là một quy trình khép kín từ khâu khai thác đến khâu sản xuất ra thành phẩm tiêu thụ.

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi một tỉnh.

3- Báo cáo về Công cụ tài chính:

Tình hình sử dụng công cụ tài chính phát sinh tại doanh nghiệp:

- Về hợp đồng kỳ hạn: Không phát sinh

4- Thuyết minh về biến động Lợi nhuận sau thuế của năm 2016 so với năm 2015

Doanh thu bán hàng Năm 2016 bằng 89,10% so với năm trước và Lợi nhuận sau thuế Năm 2016 so với năm trước chỉ bằng 76,49%, do các nguyên nhân chính sau:

- Thị trường tiêu thụ hàng hóa khó khăn hơn và giá bán giảm hơn.
- Các khoản chi phí đầu vào tăng cao hơn như: điện, xăng dầu, thuế, phí...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

5- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Bùi Danh Lynch

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Huỳnh Ngọc Bích

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Anh Vũ



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Anh Vũ